

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78/2025/NQ-UBND

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 442/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 120/BC-BPC ngày 22 tháng 11 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 483/BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Thông tư 09/2023/TT-BTC.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc được giao nhiệm vụ trong công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đảm bảo kinh phí phục vụ công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 3. Định mức khoán chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội

1. Tổng mức chi đối với xây dựng mới, thay thế Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã thì áp dụng tổng mức chi như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này;

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo; cơ quan thẩm định; cơ quan tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; cơ quan thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế, tham khảo khung định mức khoán chi cho từng hoạt động, sản phẩm tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này, quyết định mức chi đối với từng hoạt động, sản phẩm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không vượt tổng mức chi cho nhiệm vụ được giao quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

5. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì nội dung nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện theo đúng quy định trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ra quyết định vẫn được thanh, quyết toán theo sản phẩm là kết quả nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện, tương ứng mức chi quy định tại các Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Định mức khoán chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội

1. Định mức khoán chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội được áp dụng bằng mức khoán chi tối đa quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

2. Đối với các nội dung chi, mức chi không được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, được áp dụng bằng mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC.

Điều 5. Nội dung chi, mức chi phục vụ hoạt động Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách đặc thù phát triển Thủ đô

1. Nội dung chi, mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc được thực hiện theo nội dung chi, mức chi quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Trường hợp cá nhân đồng thời là thành viên của Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc, chỉ được hưởng một mức chi hỗ trợ hàng tháng cao nhất theo quy định.

Điều 6. Nguồn kinh phí và phương thức thực hiện khoán chi

1. Nguồn kinh phí cho công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

2. Việc thanh, quyết toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm quy định tại Điều 3, 4, 5 của Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện, giao Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí đủ nguồn lực thực hiện Nghị quyết, đảm bảo chỉ đúng đối tượng. Nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc ban hành sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với điều kiện của Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện nội dung chi theo Phụ lục III có trách nhiệm rà soát, đối chiếu, bảo đảm không chi trùng lặp với nhiệm vụ chi tại Điều 3, Điều 4 của Nghị quyết này. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ trong việc thực hiện chi trả.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố Hà Nội tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung chi, mức chi xây dựng văn bản triển khai thi hành Luật Thủ đô số 39/2024/QH15; khoản 1 Mục I của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung chi, mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Hà Nội.

3. Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, Kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Phùng Thị Hồng Hà

Phụ lục I

TỔNG MỨC CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI XÂY DỰNG MỚI, THAY THẾ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 78/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại văn bản	Tổng mức chi	Nhiệm vụ thẩm tra, thông qua	Nhiệm vụ soạn thảo	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã là đơn vị dự toán)
1	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố	250	75	140	21	14
2	Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố	100	-	80	12	8
3	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	50	-	40	6	4
4	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã	30	9	16,8	2,5	1,7
5	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã	20	-	16	2,4	1,6

Phụ lục II
DANH MỤC HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ KHUNG ĐỊNH MỨC CHI
TRONG CÔNG TÁC SOẠN THẢO; THẨM ĐỊNH; TỔNG HỢP, RÀ
SOÁT HỒ SƠ TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN, CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN
DÂN; THẨM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 78/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Mức chi
A	Nhiệm vụ soạn thảo		
1.	Truyền thông chính sách	- Ấn phẩm truyền thông dạng in (sản phẩm báo chí được xuất bản; bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích...) - Ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác...)	Tối đa 10% tổng mức chi soạn thảo
2.	Xây dựng Tờ trình	Tờ trình	Tối đa 30% tổng mức chi soạn thảo
3.	Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Tối đa 60% tổng mức chi soạn thảo
4.	Xây dựng bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	Tối đa 10% tổng mức chi soạn thảo
5.	Xây dựng báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản	Tối đa 10% tổng mức chi soạn thảo
6.	Xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo	Tối đa 20% tổng mức chi soạn thảo

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Mức chi
7.	Xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Tối đa 10% tổng mức chi soạn thảo
8.	Lấy ý kiến cơ quan Đảng có thẩm quyền	Văn bản thông báo/kết luận chủ trương của cơ quan Đảng có thẩm quyền	Tối đa 10% tổng mức chi soạn thảo
9.	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	Tối đa 5% tổng mức chi soạn thảo
10.	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	Bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	Tối đa 5% tổng mức chi soạn thảo
11.	Xây dựng báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra	Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra	Tối đa 5% tổng mức chi soạn thảo
B	Nhiệm vụ thẩm định		
12.	Tổ chức họp thẩm định hoặc cuộc họp	Biên bản họp	Tối đa 50% tổng mức chi thẩm định
13.	Ý kiến thẩm định (Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ)	Ý kiến bằng văn bản hoặc thể hiện trong biên bản cuộc họp	Tối đa 5% tổng mức chi thẩm định
14.	Ý kiến thẩm định của các thành viên khác tham gia thẩm định	Ý kiến bằng văn bản hoặc thể hiện trong biên bản cuộc họp	Tối đa 2% tổng mức chi thẩm định
15.	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	Tối đa 100% tổng mức chi thẩm định

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Mức chi
C	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân		
16.	Chuẩn bị họp tập thể Ủy ban nhân dân; lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân	Phiếu lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân hoặc Kết luận của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Tối đa 50% tổng mức chi tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân
17.	Hoàn thiện hồ sơ sau khi có ý kiến thẩm định, ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân	Hồ sơ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sau khi có ý kiến thẩm định, ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân	Tối đa 100% tổng mức chi tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân
D	Nhiệm vụ thẩm tra, thông qua		
18.	Xây dựng báo cáo thẩm tra	Báo cáo thẩm tra	Tối đa 100% tổng mức chi thẩm tra
19.	Tổng hợp ý đại biểu Hội đồng nhân dân	Bản tổng hợp ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân	Tối đa 10% tổng mức chi thẩm tra
20.	Phối hợp nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo	Văn bản quy phạm pháp luật đã được chỉnh lý, hoàn thiện và thông qua	Tối đa 10% tổng mức chi thẩm tra

Phụ lục III
NỘI DUNG CHI, MỨC CHI PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG BAN CHỈ ĐẠO, TỔ GIÚP VIỆC
XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 78/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Báo cáo rà soát, đề xuất, kiến nghị hoàn thiện thể chế, chính sách phục vụ phát triển Thủ đô theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo			
1.1	Báo cáo của Ban Chỉ đạo	01 Báo cáo	50	
1.2	Báo cáo của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố	01 Báo cáo	20	
1.3	Báo cáo của các Sở, Ban, ngành Thành phố và các cơ quan tương đương	01 Báo cáo	5	
1.4	Báo cáo của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị khác.	01 Báo cáo	1	
2	Xin ý kiến cấp có thẩm quyền; các cơ quan Trung ương; chuyên gia, nhà khoa học			
2.1	Xin chủ trương của cấp có thẩm quyền	Văn bản thông báo, kết luận	30	
2.2	Xin ý kiến các cơ quan Trung ương	Văn bản góp ý kiến của các cơ quan	10	
2.3	Xin ý kiến chuyên gia, nhà khoa học (trừ các chuyên gia đã được Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc thuê tại mục 6 Danh mục này)	Văn bản góp ý kiến của chuyên gia, nhà khoa học	5	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
3	Chỉ cho thành viên Ban chỉ đạo; Tổ giúp việc			
3.1	Lãnh đạo Ban chỉ đạo	Người/tháng	10	
3.2	Thành viên Ban chỉ đạo	Người/tháng	7	
3.3	Thành viên Tổ giúp việc	Người/tháng	3	
4	Chi hội nghị, hội thảo, thảo luận của Ban chỉ đạo			
4.1	Người chủ trì	Người/cuộc	5	
4.2	Thành viên, đại biểu tham dự	Người/cuộc	3	
5	Chi hội nghị, hội thảo, thảo luận của Tổ Giúp việc			
5.1	Người chủ trì	Người/cuộc	1	
5.2	Thành viên, đại biểu tham dự	Người/cuộc	0,5	
6	Thuê chuyên gia phục vụ Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc			
6.1	Chi thuê chuyên gia theo việc, nhiệm vụ	Hợp đồng thuê chuyên gia theo việc, nhiệm vụ	20	
6.2	Chi thuê chuyên gia theo 01 tháng (có thời gian làm việc đủ 22 ngày)	Hợp đồng thuê chuyên gia theo tháng	60	
7	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, phục vụ hội nghị, hội thảo, thảo luận của Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc		Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp	